TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B Đ** TỈNH B P	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
V/v: "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ, TỈNH B P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – chủ toạ phiên toà: ông Nguyễn Văn Hưng.
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Hùng Cường
bà Điểu Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: ông Nông Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh B P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Dạ Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh B P xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 67/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc *"Ly hôn, nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Phùng Thị T, sinh năm 1975 (có mặt).
Bị đơn: ông Lục Văn C, sinh năm 1972 (vắng mặt).
Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh B P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn đề ngày 14 tháng 9 năm 2023, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phùng Thị T trình bày:

Về hôn nhân: bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1993 đến năm 2002 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh B P. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phùng Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lục Văn C.

Về con chung: Bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C có với nhau 04 (bốn) con chung tên: Lục Thị M, sinh năm 1993 và Lục Thị T, sinh năm 1995; Lục Thanh S, sinh năm 1997 và Lục Thị M1, sinh ngày 24/6/2007. Hiện tại 03 con chung là cháu M, S, T đã trưởng thành, tự lao động được nên bà Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Phùng Thị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu

Lục Thị M1 cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Lục Văn C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bà Phùng Thị T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Lục Văn C đã được Tòa án tống đạt, giao đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có ý kiến trình bày.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, bà T đề nghị không hòa giải, vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Phùng Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với ông Lục Văn C.

Về con chung: Bà T yêu cầu được giao cháu Lục Thị M1, sinh ngày 24/6/2007 cho ông Lục Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi yêu cháu M1 đủ 18 tuổi. Bà T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lục Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, ông Lục Văn C không thể hiện được ý kiến của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh B P phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị T về việc "*Ly hôn, nuôi con"* đối với bị đơn ông Lục Văn C, cho bà Phùng Thị T được ly hôn với ông Lục Văn C. Về con chung là cháu S, M, T đều đã trưởng thành nên không đề nghị xem xét. Đối với cháu Lục Thị M1, ngày 24/6/2007 cháu M1 có ý kiến trình bày là có nguyện vong được sống chung với ông Lục Văn C nên đề nghị HĐXX giao con cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung bà Phùng Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị T thuộc trường hợp *"Ly hôn, nuôi con"* được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Lục Văn C có địa chỉ tại ấp 4, xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh B P.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh B P.

[2]. Về tố tụng:

Bị đơn ông Lục Văn C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C kết hôn hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh B P vào năm 2002. Xét đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì thường xuyên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vả trong cuộc sống hằng ngày, đã được chính quyền địa phường hòa giai nhưng không hàn gắn được.

Theo biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân giữa bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C của Tòa án nhân dân huyện B Đ tại địa phương nơi bà Phùng Thị T và ông Lục Văn C sinh sống được Ban điều hành ấp 4, xã Thanh Hòa, huyện B Đ, tỉnh B P cho biết giữa bà T và ông C thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau, ấp đã có hòa giải nhưng hai vợ chồng không hàn gắn được.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp ông Lục Văn C để làm rõ mâu thuẫn vợ chồng của ông C với bà T nhưng ông C vắng mặt không lý do. Xét lời khai của bà T về mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của bà với ông C là phù hợp với biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, cuộc sống hôn nhân của bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phùng Thị T với ông Lục Văn C là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Phùng Thị T với ông Lục Văn C có với nhau 04 (bốn) con chung, trong đó có 03 con chung là cháu M, S, T đã đã trên 18 tuổi, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Đối với cháu Lục Thị M1, sinh ngày 24/6/2007, bà T yêu cầu được giao cho ông C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, cháu M1 trình bày nguyện vọng được sống chung với ông Lục Văn C, hiện tại cháu M1 đang sinh sống ổn định với ông C. Xét thấy hiện tại ông C đang có nhà, đất và điều kiện đảm bảo cho sự phát triển của cháu M1. Vì vậy để đảm báo sự phát triển của cháu M1 nên cần giao cháu M1 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng nên yêu cầu giao con chung của bà T cho ông C nuôi dưỡng cần được chấp nhận.

Xét bà T không có việc làm ổn định, quá trình giải quyết vụ án ông C không có ý kiến hay yêu cầu gì về cấp dưỡng, bà T cũng không có yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Phùng Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phùng Thị T phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức, thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* của nguyên đơn bà Phùng Thị T với bị đơn ông Lục Văn C

1. *Về hôn nhân:* bà Phùng Thị T được ly hôn với ông Lục Văn C.

2. *Về con chung:* Giao 01 (một) con chung là cháu Lục Thị M1, sinh ngày 24/6/2007 cho ông Lục Văn C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M1 đủ 18 tuổi, bà Phùng Thị T không cấp dưỡng nuôi con và được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Bà Phùng Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Phùng Thị T đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện B Đ theo biên lai thu tiền số: 0017815 ngày 15/11/2023.

3.*Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

***Nơi nhận*:**
- TND tỉnh B P;
- VKSND huyện B Đ;
- Chi cục THA DS huyện B Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hưng